

SNO: S946962	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP S946962	GR:150 GS:60 EN:150 GJ:120
2.THỜI GIAN GIA CÔNG	GP:60 AF:20 KT

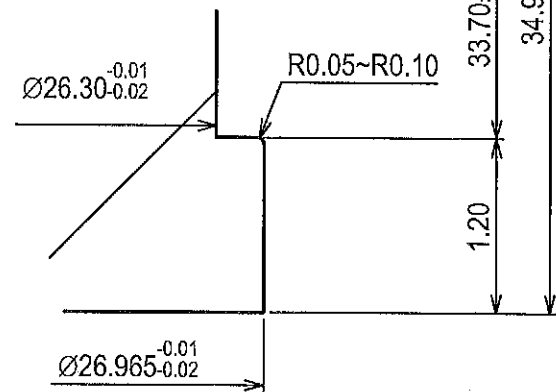
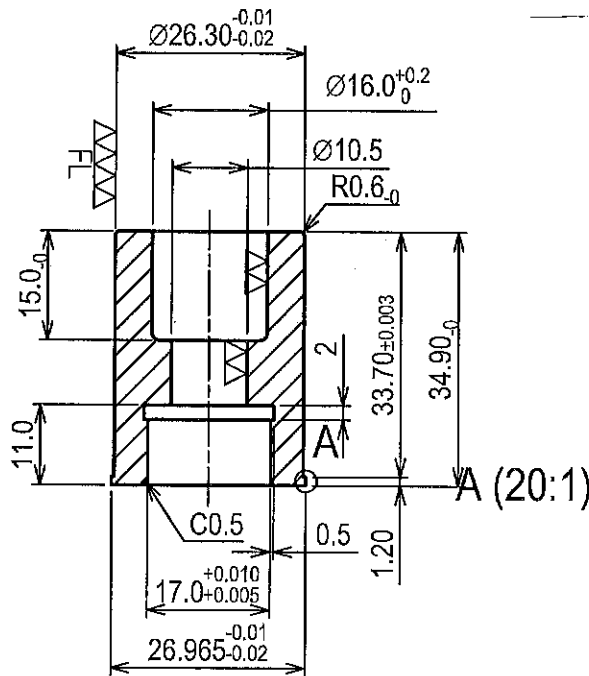
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2015/02/06	金型改造, 图面新规	93H-13-178	Zeng_Zhao_Xiang	Zheng_Guang_Wu	0.0000	± 0.002	0.000 ⁺⁰ _{-0.005}	⁺⁰ _{-0.005}
△						0.000	± 0.005	0.000 ⁺⁰ ₋₀	^{+0.005} ₋₀
△						0.00	± 0.01	0.00 ⁺⁰ ₋₀	⁺⁰ _{-0.01}
△						0.0	± 0.1	0.00 ⁺⁰ ₋₀	^{+0.01} ₋₀
						0.	± 0.2	0.0 ⁺⁰ ₋₀	⁺⁰ _{-0.1}
								0.0 ^{+0.1} ₋₀	^{+0.1} ₋₀

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

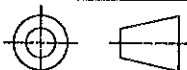
FINISH MARKS

G FL
▽▽▽ (▽▽▽▽▽)

213 201 109A
IP



S CHUAN

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Zeng_Zhao_Xiang	Zhang_Guang_Wu	部品図		製品ガイド	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		PROCESS GOODS GUIDE	
HRC 0 ° ~ 0 °		部品図		製品導件	
		部品図		制品导件	
MATERIAL	DATE	SCALE			DWG.No.
WC(D30/HIP)	2015/02/06	1:1	S946962		

BTP INSP

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414 201 0403